

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
6 THÁNG ĐẦU NĂM CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 9
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	10
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	11 - 14
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	15
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	16 - 17
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	18 - 46
8. Phụ lục	47 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã soát xét bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần Gemadept và các công ty con (danh sách công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (tên viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0301116791 (số cũ là 059080) ngày 01 tháng 11 năm 1993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.000.000.000.000 VND
Số cổ phiếu: 100.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại : (84-8) 38 236 236
Fax : (84-8) 38 235 236
E-mail : info@gemadept.com.vn
Mã số thuế : 0 3 0 1 1 1 6 7 9 1

Các đơn vị trực thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hà Nội	Số 108 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Chi nhánh Quảng Ninh	Số 1, đường Cái Lân, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 39 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Quy Nhơn	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Cần Thơ	47/11A Lê Hồng Phong, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Campuchia	Số 193C đại lộ Mao Tse Toung, Chamcamon, Phnom Penh, Campuchia
Chi nhánh Vũng Tàu	Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại;
- Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không;
- Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác;
- Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics;
- Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên;

- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản;
- Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát;
- Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác;
- Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan;
- Trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm khác từ cao su.

Công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Gemadep (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #15-14/15 Cendex Centre, Singapore.	Đại lý hàng hải, khai thác tàu; tiếp thị cho các sản phẩm dịch vụ của Gemadep tại Singapore; huy động vốn cho các dự án về cơ sở hạ tầng hàng hải; Môi giới, giới thiệu nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các dự án hàng hải, khu công nghiệp, hạ tầng giao thông tại Việt Nam.	100,00%	100,00 %
Gemadep (Malaysia) Ltd.	No.49B, Jalan Cungah, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	Đại lý hàng hải, tiếp thị cho các sản phẩm dịch vụ của Gemadep tại Malaysia; huy động vốn cho các dự án về cơ sở hạ tầng hàng hải; Môi giới, giới thiệu nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các dự án hàng hải, khu công nghiệp, hạ tầng giao thông tại Việt Nam.	100,00%	100,00 %
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Khai thác bến bãi container; Dịch vụ môi giới hàng hải; Dịch vụ giao nhận, vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa, đại lý vận tải; Mua, bán, cho thuê tàu, container, máy móc, thiết bị hàng hải; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp.	100,00%	100,00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadep Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	Đầu tư và khai thác cảng biển; kinh doanh vận tải đa phương thức; kinh doanh vận tải khai thác bến bãi container và các dịch vụ liên quan; thực hiện dịch vụ đại lý và môi giới hàng hải; kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải giao thông nhận hàng hóa bằng đường biển và hàng không; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường sông, đường biển, đường bộ; xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng – công nghiệp và công trình giao thông đường bộ. Bổ sung: hoạt động dịch vụ lai dắt, hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kê khai hải quan.	73,80%	73,80 %

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Kinh doanh vận tải đa phương thức, khai thác bến bãi thực hiện nhiệm vụ đại lý và môi giới hàng hải, kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải, giao nhận. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Mua bán cho thuê tàu - container - máy móc - thiết bị hàng hải. Đầu tư xây dựng và khai thác cầu cảng, bến bãi. Đóng mới, sửa chữa các phương tiện vận tải thủy biển.	100,00%	100,00 %
Công ty TNHH ISS - Gemadept	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển bao gồm: thu xếp nơi neo đậu cho các tàu cập cảng tại Việt Nam; dịch vụ thông quan cho các tàu ra vào cảng; cung cấp dịch vụ đại lý cho vận tải đường biển bao gồm: dịch vụ giao nhận hàng hóa trên cơ sở hợp đồng vận chuyển bằng đường biển hoặc hợp đồng vận chuyển đa phương thức; khai thuế hải quan; chuẩn bị tài liệu liên quan đến chứng từ vận tải (doanh nghiệp không trực tiếp tham gia vận tải hàng hóa và thực hiện các hoạt động thương mại).	51,00%	51,00 %
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Số 1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Xây dựng bến cảng. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải; dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ môi giới hàng hải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy, ven biển và viễn dương; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	70,00%	70,00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội.	Số 98 Phạm Hùng, phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.	Đầu tư và khai thác cảng biển; khai thác vận tải đa phương thức. Đại lý và môi giới hàng hải, hàng không; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	55,00%	55,00 %
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	Đường số 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, Việt Nam.	Làm cảng cạn (ICD), hệ thống kho bãi, kho trung chuyển container, kho hàng lẻ (CFS), đầu mối trung chuyển và hàng chuyển phát nhanh.	51,00%	51,00 %
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Xây dựng hệ thống kho Logistic và kho lạnh theo tiêu chuẩn châu Âu nhằm cung cấp các dịch vụ giao nhận, phân phối, lưu giữ, bảo quản, đóng gói hàng lạnh và hàng bách hóa.	100,00%	100,00 %
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, thị xã Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	Khai thác bến bãi container và các dịch vụ liên quan xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp, khu công nghiệp, dân cư, cầu cảng, bến bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường sông, đường biển, hàng không, đóng mới sửa chữa các phương tiện vận tải thủy, biển.	100,00%	50,00 %

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Số 452 Lê Thánh Tông, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	Tổ chức kinh doanh vận tải đa phương thức, kinh doanh vận tải khai thác bến bãi container và các dịch vụ liên quan, thực hiện nhiệm vụ đại lý và môi giới hàng hải, kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải giao nhận hàng hóa bằng đường sông - đường biển - hàng không; mua bán, cho thuê tàu container – máy móc – thiết bị hàng hải.	100,00%	100,00 %
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ; gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Bốc xếp hàng hóa. Dịch vụ đại lý tàu biển.	46,00%	54,00 %
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, bến cảng, nhà các loại. Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải. Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Xây dựng bến bãi, công trình công nghiệp. Vận tải hàng hóa. Kho bãi, bốc xếp và lưu giữ hàng hóa.	99,98%	99,98 %
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ kinh doanh bến bãi). Bốc xếp hàng hóa.	100,00%	100,00%

Công ty liên kết, liên doanh

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Kinh doanh nhà ở. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Mua bán thiết bị văn phòng, máy vi tính và phụ kiện, văn phòng phẩm, đồ dùng cá nhân và gia đình (trừ súng, đạn thể thao). Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô và đường thủy theo hợp đồng.	45,00%	45,00%
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Số 6 Lê Thánh Tôn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Dịch vụ cho thuê kho cho các nhà xuất khẩu cà phê và hàng nông sản Việt Nam dưới hình thức kho “bảo đảm thanh toán”.	34,00 %	34,00%

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế, nguyên nhiên liệu phi nông nghiệp. Mua bán cá và thủy sản. Mua bán xe có động cơ (cũ và mới). Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ. Mua bán đồ uống. Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu, động vật sống. Dịch vụ kho vận, kho ngoại quan. Dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý tàu biển, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan. Đóng và sửa chữa tàu thuyền. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng.	26,78%	26,78%
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Số 72 đường 19/4, phường Xuân An, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai.	29,00%	29,00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	Dịch vụ kho bãi, tiếp nhận hàng hóa. Vận tải đường thủy, đường bộ, vận chuyển, xếp dỡ hàng siêu trường, siêu trọng. Gia công cơ khí các thiết bị điện, các thiết bị dân dụng và công nghiệp. Kinh doanh cơ sở hạ tầng. Kinh doanh bất động sản, nhà ở. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Dịch vụ khai thuê hải quan.	38,02%	38,02%
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Lô J2, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.	Dịch vụ kho bãi. Dịch vụ kho bãi container. Dịch vụ thông quan. Thực hiện quyền phân phối bán buôn, bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) các mặt hàng may mặc, giày da, điện tử.	49,00%	49,00%
Công ty TNHH Huyndai Merchant Marine Việt Nam	Tầng 12, Tòa nhà Fideco, 81-85 Hàm Nghi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, Dịch vụ giao nhận hàng hóa được vận tải bằng các phương thức vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển và đường hàng không. Dịch vụ môi giới hàng hải và các dịch vụ hỗ trợ cho các hoạt động trên.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch. Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ, kinh doanh vũ trường, phòng hát karaoke, bãi biển, dịch vụ xông hơi, xoa bóp. Mua bán quần áo may sẵn, quần áo thể thao, đồ dùng cá nhân, đồ trang sức. Vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh lữ hành, nội địa, quốc tế.	40,00%	40,00%



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	A2 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Đại lý kinh doanh xăng dầu. Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng – công nghiệp. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Dịch vụ giao nhận, bốc xếp hàng hóa. Hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.	23,00%	23,00%
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Giao nhận hàng hóa. Đại lý container, vận tải biển. Dịch vụ kho bãi, cầu tàu và các thiết bị chuyên dùng hàng hải khác.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Số 418 đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương. Sản xuất, may, thuê trang phục, quần áo. Đầu tư, kinh doanh, cho thuê văn phòng, trung tâm dịch vụ thương mại, nhà ở. Kinh doanh dịch vụ lưu trú. Đầu tư, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.	25,00%	25,00%
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	Công nghiệp bai, nước giải khát, rượu; bánh, mứt các loại. Chế biến kinh doanh thực phẩm chất lượng cao từ nông sản. Dịch vụ ăn uống, phục vụ hội nghị. Bán buôn, bán lẻ hàng hóa thực phẩm và công nghệ thực phẩm.	26,56%	26,56%
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	Lầu 13 Trung tâm thương mại Sài Gòn, Số 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển; giao nhận hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy và đường hàng không; môi giới hàng hải; cho thuê kho bãi và cung cấp dịch vụ quản lý kho; cung cấp dịch vụ hậu cần, giao nhận vận tải, gom hàng, kho vận và vận tải hàng hóa bằng đường bộ để phục vụ cho hoạt động trên.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	Xây dựng, trang bị và vận hành một cảng container trên sông Cái Mép – Thị Vải.	62,5%	62,5%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2011 của Tập đoàn giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do thị trường chứng khoán giảm sút mạnh, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu đầu tư tài chính trong kỳ 73.939.745.076 đồng, chi phí lãi vay tăng 34.689.826.235 đồng so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra hoạt động kinh doanh vận tải trong kỳ gặp nhiều khó khăn cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 11 đến trang 46).

Công ty cổ phần Gemadept phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính	5.664.248.049 VND
- Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.664.248.049 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.062.796.878 VND
- Chia cổ tức	60.000.000.000 VND
Cộng:	80.391.292.976 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Gemadept trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên
Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Quảng	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc

02047
CÔNG
CH NHIỆM
KIỂM TOÁN
TỰ V
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần Gemadept đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập Đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Số: 0811/2011/BCTC-KTTV

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 THÁNG ĐẦU NĂM CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (tên viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Gemadept và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 16 tháng 08 năm 2011, từ trang 11 đến trang 46 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1199/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.160.226.548.383	2.249.134.755.209
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	434.692.508.623	546.776.463.318
1. Tiền	111		387.457.175.345	340.315.646.953
2. Các khoản tương đương tiền	112		47.235.333.278	206.460.816.365
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		756.377.982.340	829.571.056.916
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	922.380.987.131	924.803.198.712
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(166.003.004.791)	(95.232.141.796)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		686.969.616.826	630.151.872.814
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	331.348.916.944	305.874.538.833
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	187.643.607.947	170.624.562.709
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	170.275.252.442	155.484.696.989
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(2.298.160.507)	(1.831.925.717)
IV. Hàng tồn kho	140		78.363.330.389	62.630.234.723
1. Hàng tồn kho	141	V.8	78.363.330.389	62.630.234.723
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		203.823.110.205	180.005.127.439
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	20.267.177.709	14.802.582.694
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.833.109.486	7.586.001.544
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	28.353.198.244	26.379.380.486
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	146.369.624.766	131.237.162.715

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.433.904.201.047	4.293.873.876.792
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.023.744.947	37.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		23.744.947	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.12	37.000.000.000	37.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.055.986.549.362	2.006.318.858.665
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	1.887.911.397.584	1.875.230.345.428
Nguyên giá	222		2.765.062.480.061	2.647.058.508.445
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(877.151.082.478)	(771.828.163.017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.14	5.284.479.960	7.266.838.830
Nguyên giá	225		23.890.768.666	23.890.768.666
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(18.606.288.706)	(16.623.929.836)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.15	45.949.656.431	46.871.871.305
Nguyên giá	228		50.952.780.398	50.952.780.398
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.003.123.967)	(4.080.909.093)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	116.841.015.387	76.949.803.102
III. Bất động sản đầu tư	240	V.17	245.148.210.081	251.094.268.173
Nguyên giá	241		279.448.439.795	279.448.439.795
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(34.300.229.714)	(28.354.171.622)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.768.690.300.321	1.654.484.902.143
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	938.165.395.660	955.105.692.876
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	873.026.187.570	738.677.844.885
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(42.501.282.909)	(39.798.635.618)
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.505.623.195	17.729.499.059
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	10.966.493.102	13.358.634.675
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	3.836.481.202	3.112.889.494
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.23	1.702.648.891	1.257.974.890
VI. Lợi thế thương mại	269	V.24	310.549.773.142	327.246.348.752
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.594.130.749.430	6.543.008.632.001

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

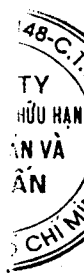
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.507.745.264.064	2.398.409.582.872
I. Nợ ngắn hạn	310		1.197.978.832.059	1.026.562.513.821
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.25	639.131.401.672	468.094.311.454
2. Phải trả người bán	312	V.26	217.131.150.358	186.849.714.448
3. Người mua trả tiền trước	313	V.27	7.647.380.014	11.054.170.252
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.28	24.764.256.752	15.522.053.389
5. Phải trả người lao động	315	V.29	12.124.763.643	25.187.984.086
6. Chi phí phải trả	316	V.30	48.528.319.806	43.216.453.384
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.31	232.415.794.924	264.096.996.656
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.32	16.235.764.889	12.540.830.151
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.309.766.432.005	1.371.847.069.051
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.33	23.443.535.203	22.966.486.450
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.34	981.876.203.434	1.057.458.920.308
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.35	25.552.145.268	20.769.883.430
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.19	476.798.734	621.554.400
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.36	278.417.749.366	270.030.224.463
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.912.871.493.362	3.972.823.847.570
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.912.871.493.362	3.972.823.847.570
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.37	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.37	2.169.160.586.400	2.169.160.586.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.37	71.797.775.902	71.797.775.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.37	9.795.709.183	22.534.947.016
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.37	4.511.710.559	4.511.710.559
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.37	29.429.404.912	23.765.156.863
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.37	25.768.360.486	21.604.112.437
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.37	602.407.945.921	659.449.558.394
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.38	173.513.992.004	171.775.201.558
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.594.130.749.430	6.543.008.632.001

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

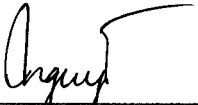
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	519.867.556
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2.195.334,34	1.667.159,42
Euro (EUR)		7.927,13	31.597,00
Dollar Singapore (SGD)		426.497,00	189.064,42
Ringit (MYR)		695.529,00	731.929,99
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2011


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

ANH H

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.089.464.606.593	960.043.328.312
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	531.128.599	2.125.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.088.933.477.994	960.041.203.312
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	914.910.114.221	832.379.843.152
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		174.023.363.773	127.661.360.160
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	129.864.975.670	86.585.149.194
- Cổ tức nhận được			7.198.947.711	34.227.213.865
- Lãi chênh lệch tỉ giá			70.897.089.456	23.877.665.689
- Lãi ngân hàng			19.698.264.192	2.578.730.677
- Lãi góp vốn liên doanh liên kết			29.310.864.341	25.129.447.977
- Doanh thu tài chính khác			2.759.809.970	772.090.986
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	191.397.194.292	85.037.972.659
- Chi phí lãi vay	23		76.051.678.387	41.361.852.153
- Lỗ chênh lệch tỉ giá			32.434.242.325	32.555.536.717
- Lỗ chứng khoán thực hiện			7.825.716.616	14.868.448.911
- Dự phòng đầu tư chứng khoán, và đầu tư dài hạn			73.473.510.286	(5.005.520.277)
- Chi phí tài chính khác			1.612.046.678	1.257.655.155
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.714.649.769	6.355.598.863
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	95.138.451.376	63.442.888.367
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.638.044.005	59.410.049.465
11. Thu nhập khác	31	VI.7	32.343.174.478	45.347.065.181
12. Chi phí khác	32	VI.8	14.761.760.297	8.402.605.551
13. Lợi nhuận khác	40		17.581.414.181	36.944.459.630
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.9	8.274.613.568	4.855.559.273
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.494.071.754	101.210.068.368

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		11.775.221.368	15.948.952.648
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.22;V.35	1.338.776.592	(1.875.265.175)
8. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.380.073.795	87.136.380.895
8.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.841.966.159	3.340.793.493
8.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		21.538.107.635	83.795.587.402
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	215	1.743

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2011



Trương Như Nguyên
 Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng





Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
				Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		36.494.071.754	101.210.068.368
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
			V.13;V.14;		
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.15;V.17	102.627.986.059	90.430.870.608
-	Các khoản dự phòng	03	V.3;V.7;V.20	73.939.745.076	(6.796.779.794)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3;VI.4	(27.663.437.535)	12.113.579.387
			VI.3;VI.4;VI.7;		
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.8;VI.9	(64.618.987.722)	(86.981.208.519)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	76.051.678.387	41.361.852.153
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		196.831.056.019	151.338.382.203
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(144.256.929.187)	(78.260.052.307)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.733.095.667)	5.838.786.096
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		23.359.735.390	13.292.324.489
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(26.135.424.945)	541.345.833
-	Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4;VII	(81.135.996.787)	(39.705.625.541)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.088.881.441)	(12.083.773.017)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		172.924.120.064	141.627.934.250
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(171.282.149.391)	(129.155.900.424)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(52.517.565.944)	53.433.421.583
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.13, V.16	(74.011.372.764)	(72.032.176.400)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		36.125.001.817	1.031.209.892
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(170.089.811.850)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		179.514.916.611	27.199.399.832
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(149.408.342.686)	(166.417.023.373)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2.132.190.132	153.859.344.293
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	56.961.256.321	32.193.303.522
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(118.776.162.419)	(24.165.942.234)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

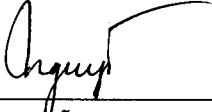
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

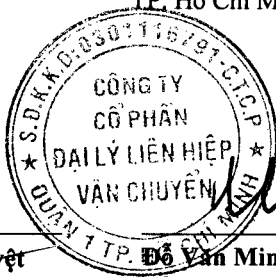
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	30.637.500.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		477.923.046.052	349.406.147.732
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(421.811.487.669)	(347.141.403.212)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(2.992.176.207)	(3.063.055.415)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.529.275.735)
				-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		53.119.382.176	26.309.913.370
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(118.174.346.187)	55.577.392.719
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	546.776.463.318	224.033.300.556
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.090.391.492	266.283.373
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	434.692.508.623	279.876.976.649

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2011


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Gemadept (Công ty mẹ) và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ

: Công ty cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh

: Khai thác cảng, vận tải và logistics.
3. Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại;
 - Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không;
 - Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan;
 - Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác;
 - Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics;
 - Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản;
 - Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát;
 - Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác;
 - Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.
 - Trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm khác từ cao su.
4. Tổng số các công ty con

:

16
- Trong đó:
- Số lượng các công ty con được hợp nhất

:

16

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Gemadep (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #15-14/15 Cendex Centre, Singapore.	100,00 %	100,00 %
Gemadep (Malaysia) Ltd.	No.49B, Jalan Cungah, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadep Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	73,80 %	73,80 %
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH ISS - Gemadep	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, Việt Nam.	70,00 %	70,00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadep Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	55,00 %	55,00 %
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen-Gemadep	Số 05-07 đường 3/2, phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadep	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadep	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, thị xã Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	100,00 %	50,00 %
Công ty TNHH một thành viên Gemadep Hải Phòng	Số 452 Lê Thánh Tôn, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ (*)	Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	46,00 %	54,00 %
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa (**)	Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	5,00 %	55,00 %
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền , TP. Hải Phòng, Việt Nam.	99,98 %	99,98 %
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (*) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ do Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.
- (**) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần Sư Tử Chúa do Công ty đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp là 55%.

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	45,00%	45,00%
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Số 6 Lê Thánh Tôn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	34,00%	34,00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	26,78%	26,78%
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Số 72 đường 19/4, phường Xuân An, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	29,00%	29,00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	38,02%	38,02%
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Lô J2, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty TNHH Huynдай Merchant Marine Việt Nam	Tầng 12, Tòa nhà Fideco, 81-85 Hàm Nghi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	A2 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	23,00%	23,00%
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Số 418 đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	25,00%	25,00%
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	26,56%	26,56%
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	Lầu 13 Trung tâm thương mại Sài Gòn, Số 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Danh sách các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên cơ sở kinh doanh	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	62,5%	62,5%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là 62,5%. Tuy nhiên, Điều lệ của Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua, do đó Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link vẫn được xem là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

8. Nhân viên
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Tập đoàn có 1.340 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 1.309 nhân viên).

9. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong kỳ.
Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2011 của Tập đoàn giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do thị trường chứng khoán giảm sút mạnh, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu đầu tư tài chính trong kỳ 73.939.745.076 đồng, chi phí lãi vay tăng 34.689.826.235 đồng so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra hoạt động kinh doanh vận tải trong kỳ gặp nhiều khó khăn cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận trong kỳ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng
Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là đơn vị mà Tập đoàn cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh lợi ích của Tập đoàn từ kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con và công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con và công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.10.

12. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của các công ty trong Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo thời hạn thuê đất..

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

17. Chi phí trả trước dài hạn

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container, phụ tùng xe nâng, dây cáp thép, vỏ xe,...) được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong 02 năm theo phương pháp đường thẳng.

Các chi phí khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn ghi trên hóa đơn, hợp đồng hoặc phân bổ từ 02 đến 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

19. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 01 - 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

20. Trái phiếu có thể chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

21. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

22. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

24. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2010:	18.932 VND/USD
	: 24.887 VND/EUR
	: 14.729 VND/SGD
	: 6.136 VND/RM
30/06/2011:	20.618 VND/USD
	: 29.688 VND/EUR
	: 16.678 VND/SGD
	: 6.827 VND/RM

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

26. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.12.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

28. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	27.438.126.516	25.576.340.628
Tiền gửi ngân hàng	360.019.048.829	314.677.253.425
Tiền đang chuyển	-	62.052.900
Các khoản tương đương tiền (*)	47.235.333.278	206.460.816.365
Cộng	434.692.508.623	546.776.463.318

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	807.383.870.891	821.487.492.096
Đầu tư ngắn hạn khác(*)	114.997.116.240	103.315.706.616
Cộng	922.380.987.131	924.803.198.712

(*) Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hoa Việt là 45.050.604.000 VND được đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phnom Penh.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	95.232.141.796
Trích lập dự phòng bổ sung	70.770.862.995
Số cuối kỳ	166.003.004.791

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	145.668.376.821	150.093.327.439
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	6.903.051.213	859.353.114
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	597.987.265	874.088.870
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	8.633.471.989	14.618.872.736
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	34.429.579.538	27.348.733.555
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	62.259.652.949	54.864.927.694
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	26.322.393.641	28.957.571.695
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	-	751.901.096
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	19.096.021.017	17.925.043.637
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	245.789.370	312.592.952
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	23.523.862.283	9.268.126.045
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	3.668.730.859	-
Cộng	331.348.916.944	305.874.538.833

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	84.391.423.788	52.909.632.074
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	19.199.143.711	18.254.313.611
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	95.158.779	144.129.856
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội	3.288.200.000	3.288.200.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	767.249.220	4.076.932.447
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	2.507.577.904	1.458.148.980
Tại Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	2.314.947.576	2.314.947.576
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	7.250.417.536	7.404.762.026
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	717.087.006	78.979.965
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	62.094.078.493	76.168.384.160
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	5.018.323.934	4.526.132.014
Cộng	187.643.607.947	170.624.562.709

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	38.133.816.200	24.808.159.411
Phải thu từ các công ty liên kết, hợp tác	84.502.757.958	87.088.579.745
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	2.779.966.560	9.260.618.700
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, trái phiếu	12.240.475.407	6.352.364.089
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.500.000.000	3.500.000.000
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	812.508.205	-
Phải thu tiền làm tàu	3.499.669.896	-
Công ty cổ phần Bông Sen Vàng - tiền bán cổ phiếu	2.960.000.000	2.960.000.000
Cho nhân viên mượn tiền	4.921.351.535	4.921.351.535
Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn liên hiệp vận chuyển - tiền chi hộ xây dựng dự án Sài Gòn GEM	4.835.000.000	-
Các khoản phải thu khác	12.089.706.681	16.593.623.509
Cộng	170.275.252.442	155.484.696.989

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	1.831.925.717
Trích lập dự phòng bổ sung	466.234.790
Số cuối kỳ	2.298.160.507

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	3.032.225.521	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	14.882.354.726	1.447.491.332
Nhiên liệu tồn trên tàu	46.031.632.073	31.494.976.403
Công cụ dụng cụ	229.635.508	15.317.083.717
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.936.486.504	14.305.852.714
Hàng hóa	1.250.996.057	64.830.557
Cộng	78.363.330.389	62.630.234.723

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	7.284.566.592	5.670.771.337
Công cụ, dụng cụ	976.017.544	759.808.603
Chi phí bảo hiểm	3.202.659.167	2.115.160.613
Chi phí thuê tàu	2.168.676.541	-
Các chi phí khác	6.635.257.865	6.256.842.141
Cộng	20.267.177.709	14.802.582.694

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT nộp thừa	6.540.220.442	5.947.705.338
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	21.492.406.221	20.369.528.875
- <i>Tại Công ty cổ phần Gemadept</i>	10.163.400.532	9.851.020.124
- <i>Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M</i>	1.164.504	1.164.504
- <i>Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>	-	398.840.000
- <i>Tại Gemadept (Singapore) Ltd.</i>	1.222.033.000	-
- <i>Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội</i>	227.231.373	239.927.435
- <i>Tại Công ty TNHH cảng Phước Long</i>	9.878.576.812	9.878.576.812
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	228.000	62.146.273
- <i>Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M</i>	228.000	-
- <i>Tại Công ty TNHH cảng Phước Long</i>	-	57.844.425
- <i>Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>	-	4.301.848
Các loại thuế khác	320.343.581	-
Cộng	28.353.198.244	26.379.380.486

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	41.466.870.170	29.036.474.367
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	104.888.205.946	102.200.688.348
Tài sản thiếu chờ xử lý	14.548.650	-
Cộng	146.369.624.766	131.237.162.715

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	37.000.000.000	37.000.000.000

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 47.

14. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	23.890.768.666	16.623.929.836	7.266.838.830
Tăng trong kỳ	-	1.982.358.870	
Số cuối kỳ	23.890.768.666	18.606.288.706	5.284.479.960

15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	39.643.458.865	11.309.321.533	50.952.780.398
Số cuối kỳ	39.643.458.865	11.309.321.533	50.952.780.398
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	105.865.235	105.865.235
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	935.875.216	3.145.033.877	4.080.909.093
Khấu hao trong kỳ	233.968.806	688.246.068	922.214.874
Số cuối kỳ	1.169.844.022	3.833.279.945	5.003.123.967
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	38.707.583.649	8.164.287.656	46.871.871.305
Số cuối kỳ	38.473.614.843	7.476.041.588	45.949.656.431
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm trang 48.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.448.439.795	28.354.171.622	251.094.268.173
Khấu hao trong kỳ	-	5.946.058.092	
Số cuối kỳ	279.448.439.795	34.300.229.714	245.148.210.081

Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	46.812.873.147	59.474.635.608
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	16.260.050.802	16.252.936.120
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ lợi ích	Giá trị	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Kinh doanh nhà ở	45,00%	42.761.600.000	45,00%	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Dịch vụ kho vận, ngoại quan	26,78%	9.642.000.000	26,78%	9.642.000.000
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Dịch vụ cho thuê kho	34,00%	1.534.080.000	34,00%	1.534.080.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hào	Sản xuất nước khoáng	29,00%	32.206.940.000	29,00%	32.206.940.000
Công ty cổ phần du Lịch Minh Đạm	Kinh doanh dịch vụ du lịch	40,00%	18.264.608.143	40,00%	18.264.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Dịch vụ vận tải	38,02%	23.236.200.000	38,02%	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Dịch vụ kho bãi	49,00%	11.882.010.000	49,00%	11.882.010.000
Công ty TNHH Huyndai Merchant Marine Việt Nam	Dịch vụ vận tải	49,00%	2.371.845.000	49,00%	2.371.845.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Kinh doanh xăng dầu, dịch vụ vận tải	23,00%	86.250.000.000	23,00%	86.250.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Dịch vụ vận tải	25,00%	29.375.000.000	25,00%	29.375.000.000
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	49,00%	2.319.909.000	49,00%	2.319.909.000
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Chế biến thực phẩm		49.825.280.000	26,56%	49.825.280.000
Công ty OOCL Việt Nam	Dịch vụ vận tải	49,00%	11.035.522.844	49,00%	17.913.906.635
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept- Terminal Link	Dịch vụ khai thác cảng	50,00%	612.052.327.921	62,50%	612.052.327.921
Khoản lãi /(lỗ) của công ty liên kết khi hợp nhất			5.408.072.752		15.469.986.177
Cộng			938.165.395.660		955.105.692.876

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	219.250.669.600	203.374.669.600
Tiền gửi có kỳ hạn trên 01 năm (*)	140.900.000.000	161.600.000.000
Đầu tư dài hạn khác	512.875.517.970	373.703.175.285
Cộng	873.026.187.570	738.677.844.885

(*) Trong đó, khoản tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hoa Việt là 140.900.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phnom Penh.

20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	-	73.769.712
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	36.792.330.200	36.792.330.200
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	5.708.952.709	2.932.535.706
Cộng	42.501.282.909	39.798.635.618

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	39.798.635.618
Trích lập dự phòng bổ sung	2.702.647.291
Số cuối kỳ	42.501.282.909

21. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi thuê tài chính	16.479.329	90.636.293
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.061.576.876	555.868.574
Chi phí sửa chữa tàu	6.308.652.900	8.832.114.060
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	2.215.283.637	2.673.618.182
Chi phí thành lập	-	42.895.299
Chi phí thiết kế	584.473.411	-
Các chi phí khác	780.026.949	1.163.502.267
Cộng	10.966.493.102	13.358.634.675

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	3.112.889.494
Phát sinh trong kỳ	723.591.708
Số cuối kỳ	3.836.481.202

23. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ tại các nhà cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, thuê văn phòng	-	230.127.770
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	824.720.000	757.280.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	877.928.890	270.567.120
Cộng	1.702.648.890	1.257.974.890

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty cổ phần tiếp vận và cảng Quốc Tế Hoa Sen - Gemadept và Công ty cổ phần cảng Nam Hải được xác định bằng chênh lệch giữa giá mua và giá trị hợp lý của tài sản thuần (giả định giá trị hợp lý của tài sản thuần bằng giá trị ghi sổ kế toán).

Nguyên giá

Số đầu năm 333.931.512.200

Tăng do hợp nhất kinh doanh -

Số cuối kỳ **333.931.512.200**

Số đã phân bổ

Số đầu năm 6.685.163.448

Phân bổ trong kỳ 16.696.575.610

Số cuối kỳ **23.381.739.058**

Giá trị còn lại

Số đầu năm 327.246.348.752

Số cuối kỳ **310.549.773.142**

25. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	462.371.801.662	320.247.600.198
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	87.886.505.546	90.056.125.445
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	5.800.000.000	5.000.000.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	78.035.427.533	52.790.585.811
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	5.037.666.931	-
Cộng	639.131.401.672	468.094.311.454

26. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	107.109.860.669	106.668.776.008
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	14.961.633.664	-
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	14.656.749.760	7.424.602.952
Tại Công ty cổ phần cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	14.989.549.653	15.118.229.608
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	1.310.574.812	348.972.183
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	27.394.655.208	33.924.665.024
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	434.858.297	47.230.973
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	8.930.771.938	9.352.620.798
Tại Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	-	16.079.496

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	-	-
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	30.559.496	-
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	6.999.271.573	6.083.212.124
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	7.332.557.323	1.721.846.404
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	10.084.607.485	6.143.478.878
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	2.895.500.480	-
Cộng	<u>217.131.150.358</u>	<u>186.849.714.448</u>

27. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	3.980.503.498	4.540.635.640
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	-	-
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	1.635.000	1.395.050
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	80.000.000	797.896.955
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	24.800.000	773.954.445
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	97.630.280	-
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	33.553.000	3.032.738
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	3.368.824.438	4.937.255.424
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	60.433.798	-
Cộng	<u>7.647.380.014</u>	<u>11.054.170.252</u>

28. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.678.785.964	2.416.586.484
Thuế xuất, nhập khẩu	539.957	539.957
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.027.625.387	10.872.943.060
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	3.578.036.628	-
Thuế thu nhập cá nhân	865.402.311	1.024.329.976
Các loại thuế khác	3.613.866.505	1.207.653.912
Cộng	<u>24.764.256.752</u>	<u>15.522.053.389</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

29. Phải trả người lao động
Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng... còn phải trả cho công nhân viên.

30. Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	4.141.077.894	9.225.396.294
Chi phí luân chuyển hàng hoá	20.363.410.252	6.076.340.407
Chi phí thuê tài sản	327.272.727	2.229.236.364
Chi phí thuê kho bãi, văn phòng	750.429.462	134.018.182
Cước lai đất	3.259.055.455	8.570.605.910
Chi phí sửa chữa	8.120.464.447	5.228.862.727
Chi phí nhiên liệu	2,247,110,855	-
Tiền thưởng	907.130.250	-
Chi phí hoa hồng	1.892.034.516	354.953.434
Chi phí khác	6,520,333,947	11.397.040.066
Cộng	48.528.319.806	43.216.453.384

31. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.122.248.044	1.525.423.098
Bảo hiểm xã hội	1.985.600.011	1.573.690.211
Bảo hiểm y tế	17.063.924	18.659.311
Bảo hiểm thất nghiệp	5.085.000	560.780
Cổ tức phải trả	60.075.564.171	65.246.600
Nhận ký quỹ, ký cược	9.182.233.025	9.499.581.440
Doanh thu chưa thực hiện	6.820.519.934	2.785.397.979
Tài sản thừa chờ xử lý	2.163.628.026	2.138.859.881
Các khoản phải trả khác	151.043.852.789	246.489.577.356
- Các khoản thu hộ phải trả	46.136.982.927	50.614.560.338
- Tiền bán hàng cảng biển phải trả ngân sách	1.716.241.909	1.716.241.909
- Công ty cổ phần đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	27.200.000.000	-
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link - tiền mượn	43.688.509.077	160.000.000.000
- Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	-
- Khoản phải trả của các công ty liên kết, hợp tác	3.949.606.699	12.429.549.379
- Phải trả tiền làm tàu	4.086.403.003	-
- Các khoản phải trả khác	15.001.430.597	21.729.225.730
Cộng	232.415.794.924	264.096.996.656

32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	
Số đầu năm	12.540.830.151
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	9.847.193.267
Tăng do hợp nhất Công ty cổ phần cảng Nam Hải	
Tăng khác	
Chi quỹ	(6.152.258.529)
Số cuối kỳ	16.235.764.889

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

33. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	23.443.535.203	22.941.117.275
Nhận đặt cọc thuê tài sản dài hạn khác	-	25.369.175
Cộng	23.443.535.203	22.966.486.450

34. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	481.784.045.000	481.784.045.000
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	175.568.672.236	244.371.077.808
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	234.475.725.982	234.475.725.982
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	19.601.339.345	19.601.339.345
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	70.446.420.871	77.226.732.173
Cộng	981.876.203.434	1.057.458.920.308

35. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	20.769.883.430
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	2.062.368.300
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh tăng do hợp nhất kinh doanh	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	2.719.893.538
Số cuối kỳ	25.552.145.268

36. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	266.259.641.816	269.167.286.868
Doanh thu chưa thực hiện	12.158.107.550	862.937.595
Cộng	278.417.749.366	270.030.224.463

37. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 03 đính kèm trang 49.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	47.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để :
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quyết định của Hội đồng quản trị.

38. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	171.775.201.558
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	1.841.966.159
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(103.175.714)
Số cuối kỳ	173.513.992.004

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.089.464.606.593	960.043.328.312
- Doanh thu dịch vụ vận tải	575.062.513.321	623.742.428.557
- Doanh thu hoạt động đại lý, giao nhận	45.503.042.885	61.185.830.222
- Doanh thu cho thuê văn phòng	46.812.873.147	59.474.635.608
- Doanh thu khai thác cảng, logistics, khác,...	422.086.177.240	215.640.433.925
Các khoản giảm trừ (giảm giá hàng bán)	(531.128.599)	2.125.000
Doanh thu thuần	1.088.933.477.994	960.041.203.312

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ vận tải	558.838.466.319	587.285.382.556
Giá vốn dịch vụ đại lý, giao nhận	24.053.175.340	35.258.228.766
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	16.260.050.802	16.252.936.120
Giá vốn khai thác cảng, logistics, khác,...	315.758.421.760	193.583.295.710
Cộng	914.910.114.221	832.379.843.152

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi đầu tư chứng khoán	-	16.902.865.508
Lãi trái phiếu, kỳ quỹ ngân hàng	2.745.546.194	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.426.144.931	820.085.629
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	14.526.573.067	1.758.645.048
Cổ tức, lợi nhuận được chia	36.509.812.052	42.453.796.334
Lãi tiền cho vay	2.689.959.900	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	30.146.765.493	1.950.062.812
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.750.323.963	21.927.602.877
Doanh thu hoạt động tài chính khác	69.850.070	772.090.986
Cộng	129.864.975.670	86.585.149.194

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	76.051.678.387	41.361.852.153
Chi phí lãi thuê tài chính	74.156.964	192.808.107
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.483.327.958	14.063.642.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.950.914.367	18.491.894.517
Lỗ đầu tư chứng khoán	7.825.716.616	14.868.448.911
Thanh lý khoản đầu tư vào Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn - Sa Pa	267.809.868	-
Chi phí mua chứng khoán kỳ hạn	1.110.424.445	1.060.046.511
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	-	(5.005.520.277)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	73.473.510.286	-
Chi phí tài chính khác	159.655.401	4.800.537
Cộng	191.397.194.292	85.037.972.659

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	246.185.761	335.456.016
Chi phí vật liệu	11.039.051	48.758.738
Chi phí khấu hao tài sản cố định	171.128.567	274.534.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.066.509.383	4.012.957.231
Chi phí khác	3.219.787.007	1.683.892.302
Cộng	6.714.649.769	6.355.598.863

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	32.751.820.417	29.519.178.010
Chi phí vật liệu	850.957.098	954.839.955
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.084.708.784	5.666.036.177
Phân bổ lợi thế thương mại	16.696.575.610	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.260.001.946	22.309.189.846
Chi phí khác	13.528.583.096	4.993.644.379
Cộng	95.138.451.376	63.442.888.367

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	27.624.110.908	41.647.100.801
Thu nhập khác	4.719.063.570	3.699.964.380
Cộng	32.343.174.478	45.347.065.181

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	10.684.066.776	5.768.309.534
Phạt do vi phạm hợp đồng	184.806.000	-
Phạt do vi phạm hành chính	31.790.758	-
Các khoản chi phí bồi thường	2.736.310.103	-
Chi phí khác	1.124.786.660	2.634.296.017
Cộng	14.761.760.297	8.402.605.551

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	21.538.107.635	83.795.587.402
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.538.107.635	83.795.587.402
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ ^(*)	100.000.000	48.082.322
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	215	1.743

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	100.000.000	47.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành 6 tháng đầu năm 2010	-	582.322
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	100.000.000	48.082.322

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	218.793.468.568	247.068.143.348
Chi phí nhân công	94.909.846.364	94.987.338.896
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.485.392.308	86.249.962.223
Chi phí dịch vụ mua ngoài	572.052.940.560	465.537.967.710
Chi phí khác	55.979.228.338	15.902.442.303
Cộng	1.022.220.876.139	909.745.854.480

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay chưa trả	4.141.077.894	9.225.396.294
Góp vốn vào Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept bằng công nợ phải trả	-	1.273.160.900
Chuyển nợ phải thu Công ty cổ phần Đại Dương thành vốn góp vào Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	-	3.800.000.000
Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia bằng căn trừ vào khoản góp vốn đầu tư Công ty cổ phần vận tải du lịch Trường Thọ	-	6.200.000.000
Tăng đầu tư Công ty cổ phần cảng Nam Hải bằng phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	396.787.000.000
Lãi trái phiếu, cho vay và cổ tức, lợi nhuận được chia chưa thu	14.902.149.867	15.612.982.789
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	-	1.199.352.740
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	-	60.082.819.489
Cổ tức đã trích nhưng chưa chi	60.000.000.000	65.246.600

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần Gemadept – Công ty mẹ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.215.335.000	958.014.800
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thuế thu nhập cá nhân	54.960.000	24.021.000
Phụ cấp	-	354.337.500
Cộng	1.270.295.000	1.336.373.300

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty Sinokor Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Công ty liên doanh đồng kiểm soát

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty MBN-GMD Việt Nam		
Thu tiền phí dịch vụ	361,399,789	-
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm		
Góp vốn đầu tư	-	915,515,816
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	-	273,195,991
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam		
Doanh thu thực hiện	695,118,994	-
Chi phí dịch vụ	149,573,258	-
Chi hộ	5,784,654,963	-
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Góp vốn đầu tư	576,410,476	11,700,000,000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông		
Góp vốn đầu tư	-	20,500,000,000
Công ty Sinokor Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	2,564,486,886	2,498,751,407
Cung cấp dịch vụ	355,870,902	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH OOCL Việt Nam		
Phải thu khách hàng	2.178.617.671	392.583.750
Công ty TNHH thương mại quả Cầu Vàng		
Phải thu khác	300.000.000	-
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Phải thu khác	60.200.000	1.300.000.000
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	4.405.813.411	6.014.048.883
Công ty Sinokor Việt Nam		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	586.303.757	358.397.527
Cộng nợ phải thu	7.530.934.839	8.065.030.160
Công ty MBN-GMD Việt Nam		
Các khoản phải trả khác	-	1,703,880,000
Công nợ phải trả	-	141.037.455
Công ty Sinokor Việt Nam		
Phải trả người bán	-	7.555.141
Cộng nợ phải trả	-	1.852.472.596

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty trong Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo loại hình dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực khai thác cảng: Bao gồm dịch vụ liên quan đến khai thác cảng, logistics.
- Lĩnh vực vận tải: Bao gồm dịch vụ vận tải và cho thuê phương tiện vận tải
- Dịch vụ đại lý: Bao gồm dịch vụ đại lý.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê tòa nhà Lê Thánh Tôn. Công ty cũng đang đầu tư vào tòa nhà phức hợp tại Lào.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở phụ lục 04 đính kèm trang 50 và 51.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

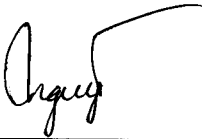
Trong nước	1.079.602.914.505
Nước ngoài	9.330.563.489
Cộng	1.088.933.477.994

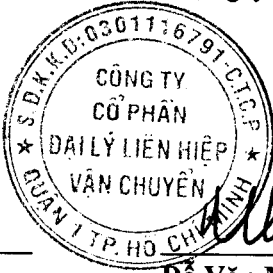
Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Tài sản bộ phận lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Trong nước	139.274.118.085	136.856.669.451	5.943.071.529.813	5.711.136.085.428
Nước ngoài	254.647.100	150.060.130.256	716.595.219.617	831.872.546.573
Cộng	139.528.765.185	286.916.799.707	6.659.666.749.430	6.543.008.632.001

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2011


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

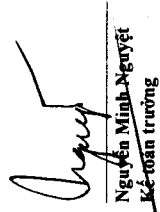
Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

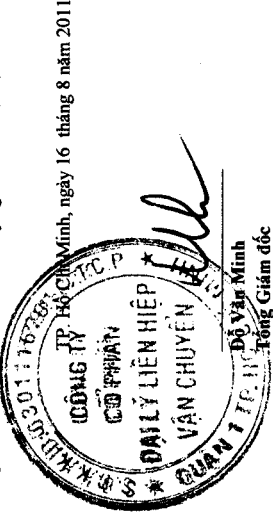
Phụ lục 01: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Số đầu năm	443.174.153.933	311.126.221.255	1.832.819.556.467	20.341.470.140	39.597.106.650	2.647.058.508.445
Tăng trong kỳ	9.206.595.858	15.284.147.410	110.071.909.215	3.599.137.087	85.536.126	138.247.325.696
Mua sắm mới	4.096.923.032	3.548.593.636	15.949.636.859	870.750.122	-	24.465.903.649
Phân loại lại tài sản	-	1.034.648.000	-	1.944.257.458	-	2.978.905.458
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.109.672.826	3.735.244.091	-	-	-	8.844.916.917
Tăng do chênh lệch tỷ giá	-	6.965.661.683	94.122.272.356	784.129.507	85.536.126	101.957.599.672
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	(16.958.450.642)	-	(188.564.754)	(1.152.081.226)	(1.944.257.458)	(20.243.354.080)
Thanh lý, nhượng bán	(15.923.802.642)	-	(83.564.754)	(1.152.081.226)	-	(17.159.448.622)
Phân loại lại tài sản	(1.034.648.000)	-	-	-	(1.944.257.458)	(2.978.905.458)
Giảm khác (Điều chỉnh giảm)	-	-	(105.000.000)	-	-	(105.000.000)
Số cuối kỳ	435.422.299.149	326.410.368.665	1.942.702.900.928	22.788.526.001	37.738.385.318	2.765.062.480.061
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.600.854.948	54.785.139.031	159.087.171.820	5.247.266.016	-	222.720.431.815
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	64.703.201.108	124.595.819.788	562.185.211.716	13.007.001.990	7.336.928.415	771.828.163.017
Tăng trong kỳ	9.699.298.672	11.841.534.389	86.526.290.045	4.595.804.315	1.407.937.714	114.070.865.134
Khấu hao trong kỳ	9.699.298.672	11.831.409.334	68.752.271.640	2.101.525.540	1.392.849.038	93.777.354.223
Phân loại lại tài sản	-	-	-	2.167.563.827	-	2.167.563.827
Tăng do chênh lệch tỷ giá	-	10.125.055	17.774.018.405	326.714.948	15.088.676	18.125.947.084
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	(5.239.735.866)	-	(188.564.754)	(1.152.081.226)	(2.167.563.827)	(8.747.945.673)
Thanh lý, nhượng bán	(5.239.735.866)	-	(83.564.754)	(1.152.081.226)	-	(6.475.381.846)
Phân loại lại tài sản	-	-	-	-	(2.167.563.827)	(2.167.563.827)
Giảm khác (Điều chỉnh giảm)	-	-	(105.000.000)	-	-	(105.000.000)
Số cuối kỳ	69.162.763.914	136.437.354.177	648.522.937.007	16.450.725.078	6.577.302.302	877.151.082.478
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	378.470.952.825	186.530.401.467	1.270.634.344.751	7.334.468.151	32.260.178.235	1.875.230.345.428
Số cuối kỳ	366.259.535.235	189.973.014.488	1.294.179.963.921	6.337.800.923	31.161.083.016	1.887.911.397.584
Trong đó:						
Tam thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	98.820.825	-	-	98.820.825

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.090.727.188.783 VND và 882.358.878.979 VND đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của các ngân hàng.


Trương Như Nguyễn
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

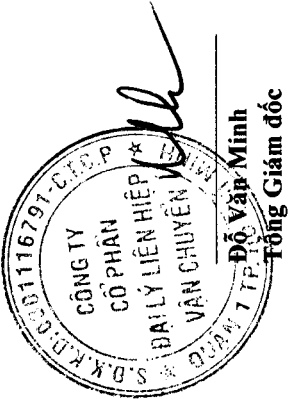


CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Phụ lục 02: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
+ Mua sắm TSCĐ	22.606.198.411	84.686.544.902	(79.401.187.855)	-	27.891.555.458
+ XDCB dở dang	54.343.604.691	44.260.112.068	(8.844.916.917)	(809.339.913)	88.949.459.929
- Đầu tư quy hoạch khu bắc Rạch Chiếc, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	20.746.655.945	-	-	-	20.746.655.945
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091	-	-	-	2.694.479.091
- Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173	-	-	-	3.658.444.173
- Công trình kho ngoại quan	87.713.370	-	-	-	87.713.370
- Công trình cảng quốc tế Nhơn Hội	728.300.584	-	-	-	728.300.584
- Công trình máy biến thế	1.928.110.000	3.735.244.091	(3.735.244.091)	(808.199.913)	1.119.910.087
- Công trình khu dân cư Rạch Chiếc	19.491.750.000	1.205.413.417	-	-	20.697.163.417
- Công trình đường vào Cảng PVC	2.057.303.684	-	-	-	2.057.303.684
- Công trình dự án Cảng PVC	958.396.104	-	-	-	958.396.104
- Công trình đường cấp ngầm	412.045.455	588.636.364	-	-	1.000.681.819
- Công trình nhà nghỉ bộ phận kỹ thuật	-	142.217.176	(142.217.176)	-	-
- Công trình cụm Cảng Trường Thọ	410.583.630	38.588.601.020	(4.967.455.650)	-	34.031.729.000
- Các dự án khác	1.169.822.655	-	-	(1.140.000)	1.168.682.655
+ Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-	-
Cộng	76.949.803.102	128.946.656.970	(88.246.104.772)	(809.339.913)	116.841.015.387

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2011



Trương Như Nguyễn

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

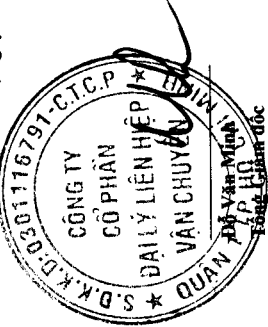
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

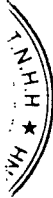
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	475.000.000.000	1.366.907.462.400	71.797.775.902	4.714.185.443	984.338.786	13.902.834.614	10.296.600.315	527.023.199.565	2.470.626.397.025
Tăng vốn trong năm	525.000.000.000	802.253.124.000	-	-	-	-	-	-	1.327.253.124.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	206.863.990.648	206.863.990.648
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	15.039.035.196	10.354.491.642	16.070.850.575	(64.609.933.832)	(23.145.556.419)
Hoàn nhập các quỹ năm trước đã trích	-	-	-	-	(984.338.786)	(492.169.393)	-	1.476.508.179	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(11.200.000.000)	(11.200.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(10.527.324.637)	-	(4.763.338.453)	-	(15.290.663.090)
Tăng khác	-	-	-	17.820.761.573	-	-	-	(104.206.167)	17.716.555.406
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000	2.169.160.586.400	71.797.775.902	22.534.947.016	4.511.710.559	23.765.156.863	21.604.112.437	659.449.558.394	3.972.823.847.571
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	2.169.160.586.400	71.797.775.902	22.534.947.016	4.511.710.559	23.765.156.863	21.604.112.437	659.449.558.394	3.972.823.847.571
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	21.538.107.635	21.538.107.635
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	5.664.248.049	5.664.248.049	(21.175.689.365)	(9.847.193.267)
Chi quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(1.500.000.000)	-	(1.500.000.000)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	2.595.969.255	2.595.969.255
Giảm khác	-	-	-	(12.739.237.833)	-	-	-	-	(12.739.237.833)
Số dư cuối kỳ	1.000.000.000.000	2.169.160.586.400	71.797.775.902	9.795.709.183	4.511.710.559	29.429.404.912	25.768.360.486	602.407.945.918	3.912.871.493.359

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2011



Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Phụ lục 04: Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND						
Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:						
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Khai thác cảng và logistics	Vận tải	Đại lý	Cho thuê bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	421.555.048.641	575.062.513.321	45.503.042.885	46.812.873.147	-	1.088.933.477.994
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	149.525.969.915	85.096.363.221	53.169.194.730	-	(287.791.527.866)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	571.081.018.556	660.158.876.542	98.672.237.615	46.812.873.147	(287.791.527.866)	1.088.933.477.994
Chi phí bộ phận						
Kết quả kinh doanh theo bộ phận (lãi gộp)	468.559.683.771	640.659.537.444	77.222.370.070	16.260.050.802	(287.791.527.866)	914.910.114.221
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	102.521.334.785	19.499.339.098	21.449.867.545	30.552.822.345	-	174.023.363.772
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						(101.853.101.145)
Doanh thu hoạt động tài chính						72.170.262.627
Chi phí tài chính						129.864.975.670
Thu nhập khác						(191.397.194.292)
Chi phí khác						32.343.174.478
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						(14.761.760.297)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						8.274.613.568
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(11.775.221.368)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						(1.338.776.592)
						23.380.073.794
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	59.066.593.422	77.097.682.184	392.462.747	77.660.000	-	136.634.398.353
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	55.809.087.192	42.775.419.448	1.677.562.140	5.946.058.092	-	106.208.126.872
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	466.234.790	-	-	-	-	466.234.790

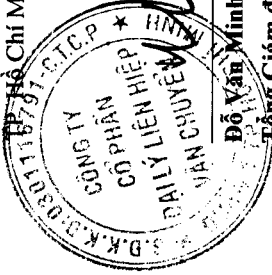


CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

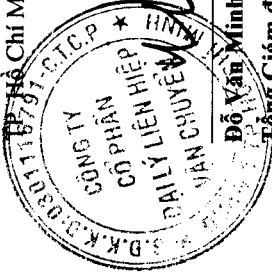
Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Phụ lục 04: Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:					Đơn vị tính: VND	
	Khai thác cảng và logistics	Vận tải	Đại lý	Cho thuê bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ	1.254.532.332.578	1.632.733.345.331	63.217.960.451	284.387.871.186	-	3.234.871.509.546
Tài sản phân bổ cho bộ phận	303.163.956.224	46.516.000.000	221.073.383.436	-	(570.753.339.660)	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					(227.422.668.748)	3.359.259.239.884
Tổng tài sản						6.594.130.749.430
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	489.679.228.351	427.733.354.890	127.467.607.385	31.096.937.605	-	1.075.977.128.231
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	303.163.956.224	40.875.421.772	200.992.167.670	-	(545.031.545.666)	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					(227.422.668.748)	1.431.768.135.832
Tổng nợ phải trả						2.507.745.264.064
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	603.794.440.369	1.526.237.433.696	71.420.947.244	259.962.687.513	-	2.461.415.508.822
Tài sản phân bổ cho bộ phận	536.462.762.865	404.998.604.566	231.976.140.739	757.449.435	-	1.174.194.957.605
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						2.907.398.165.574
Tổng tài sản						6.543.008.632.001
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	101.977.394.752	553.503.231.621	56.033.988.505	-	-	711.514.614.878
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	243.551.318.355	28.732.780.507	5.304.770.555	-	-	277.588.869.417
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						1.409.306.098.577
Tổng nợ phải trả						2.398.409.582.872

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2011



NGUYỄN MINH NGUYỆT
Kế toán trưởng



ĐỖ VĂN MINH
Tổng Giám đốc